

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1057/UBND - TCKH

Cửa Lò, ngày 20 tháng 2 năm 2018

V/v báo cáo ước thực hiện kế hoạch KT-XH
9 tháng đầu năm, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2018
và ước kết quả thực hiện năm 2018

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp Thị;
- Chủ tịch UBND các phường.

Thực hiện chương trình công tác của UBND thị xã Cửa Lò và để chuẩn bị tốt nội dung phục vụ phiên họp Ủy viên UBND Thị xã, BTV Thị ủy, BCH Đảng bộ Thị xã; UBND Thị xã yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường báo cáo ước thực hiện kế hoạch KTXH - QPAN 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện kế hoạch KTXH 3 tháng cuối năm 2018 và ước kết quả thực hiện năm 2018; Cụ thể như sau:

1- Đánh giá kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu 9 tháng đầu năm và năm 2018 của phòng, ban, đơn vị, ngành thuộc mình quản lý.

Đối với các phường chú trọng về tình hình thực hiện các chỉ tiêu cụ thể về KTXH-QPAN, thu chi ngân sách, quy hoạch, quản lý đất đai, XD CB... đã được giao theo quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND thị xã Cửa Lò "Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cho các phường".

2 - Những tồn tại vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch KTXH-QPAN 9 tháng đầu năm 2018.

3- Nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2018.

4- Các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ KTXH-QPAN năm 2018.

5- Những đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo phải đảm bảo chất lượng và đầy đủ các nội dung như đã nêu trên; gửi về UBND Thị xã (Qua phòng Tài chính - Kế hoạch) chậm nhất trước ngày 29/8/2018 và 01 bản qua email (Tckhcualo@gmail.com hoặc thanhuutckh@gmail.com)

Giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm tổng hợp trình UBND Thị xã trước ngày 08/9/2018.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị ủy, TT HĐND Thị xã (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Thị xã (Chỉ đạo T/h);
- Lưu VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hùng



CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2017		Năm 2018			So sánh (%)			
		9 tháng	Cả năm	KH tình giao	KH HEND thị xã	Ước 9 tháng	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (tính giao)	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (tính giao)	Ước TH 9 tháng 2018/ tháng 9 năm 2017	Ước TH 2018/TH 2017
I	Chỉ tiêu kinh tế									
1	Giá trị sản xuất (giá cố định 2010)	Triệu đồng								
a	Nông lâm ngư nghiệp	Triệu đồng								
b	Công nghiệp - Xây dựng	Triệu đồng								
	- Công nghiệp	Triệu đồng								
	- Xây dựng	Triệu đồng								
c	Dịch vụ	Triệu đồng								
*	GTGT bình quân đầu người	Triệu đồng								
2	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng								
3	Thu Ngân sách NN trên địa bàn	Ngân đồng								
-	Thu các sắc thuế									
	Thu từ tiền đất	tỷ đồng								
4	Chi ngân sách địa phương	tỷ đồng								
	Chi thường xuyên	tỷ đồng								
	Chi đầu tư XD CB	tỷ đồng								
	Chi NS phòng, chi dự phòng, chi khác	tỷ đồng								
5	Tổng vốn ĐTPT trên địa bàn	Ngân tỷ đồng								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017		Năm 2018				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HEND thị xã	Ước 9 tháng	Ước năm 2018	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2018/ 9 tháng 2017	Ước TH 2018/TH 2017
II	Chỉ tiêu xã hội											
1	Dân số trung bình	người										
-	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%										
-	Mức giảm tỷ lệ sinh	%										
2	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	người										
	Xuất khẩu lao động	người										
3	- Số lao động được đào tạo nghề	người										
4	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%										
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề	%										
5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi											
6	Tỷ lệ sinh con thứ 3	%										
7	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 so năm trước	%										
8	Số bác sĩ/ vạn dân	BS										
9	Tỷ lệ trạm y tế phường có bác sĩ	%										
10	Tỷ lệ phường đạt chuẩn QG về y tế	%										
11	Phường phù hợp với trẻ em	phường										
12	Số giường bệnh/ vạn dân	Giường										
13	Số hộ nghèo	hộ										

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017		Năm 2018				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HND thị xã	Ước 9 tháng	Ước năm 2018	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2018/KH 2018 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2018/ 2017	Ước TH 2018/TH 2017
14	Tỷ lệ hộ nghèo	%										
15	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường										
	Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia	%										
	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn											
16	Tỷ lệ hộ dân được nghe đài phát thanh	%										
17	Tỷ lệ hộ dân được xem truyền hình	%										
18	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%										
19	Tỷ lệ phường có thiết chế văn hóa thể thao đồng bộ (tiêu chí mới)	%										
20	Tỷ lệ khối văn hóa	%										
21	Số người nghiện ma túy được cai nghiện tại cộng đồng	người										
22	Dạy nghề sau cai nghiện	người										
23	Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội	người										
24	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	người										
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG											
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%										
2	Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom xử lý	%										
3	Tỷ lệ dân cư dùng nước hợp vệ sinh	%										
4	Tỷ lệ dân cư dùng hố xí hợp vệ sinh	%										

